TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 03/2019/HS-ST
Ngày 04/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Phạm Văn Ngọc

2. Ông: Ngô Đình Thành

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Có – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 06 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 04 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2019/QĐXXST-HS, ngày 9 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/HSST-QĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1998 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Dịch vụ du lịch; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C và bà Trần Thị T (đã chết); vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/01/2019 cho đến nay; (*có mặt tại phiên tòa*).

2. **Phạm Văn H**, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2001 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm K và bà Võ Thị L; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 04/7/2017 bị cáo bị Công an huyện Lý Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức cảnh cáo.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"cấm đi khỏi nơi cư trú"* từ giai đoạn điều tra cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2001 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Dịch vụ du lịch; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Đặng Thị L (đều đã chết); vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"cấm đi khỏi nơi cư trú"* từ giai đoạn điều tra cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn H:* Ông Phạm K và bà Võ Thị L (Là cha, mẹ ruột của bị cáo H).

Trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(có mặt)*.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn H:* Anh Nguyễn Văn D (Là anh ruột của bị cáo H).

Trú tại: Thôn B, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(có mặt)*.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn H:* Ông Trương Quang Tín – Luật sư – Văn phòng Luật sư Quang Tín thuộc đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi, *(có mặt)*.

- *Các bị hại:*

Đặng Thị H, sinh năm 1986

Trú tại: Khu dân cư số 8, Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(vắng mặt)*.

Lê Văn M, sinh năm 1989

Trú tại: Khu dân cư số 10, Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(vắng mặt)*.

Nguyễn Thị M, sinh năm 1986

Trú tại: Khu dân cư số 10, Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(có mặt)*.

Đặng Văn L, sinh năm 1983

Trú tại: Khu dân cư số 6, Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi;

Lê Chí T, sinh năm 1989

Trú tại: Khu dân cư số 8, Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(vắng mặt)*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Lê Phùng Trung H, sinh năm 2004

Trú tại: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(vắng mặt)*.

2/ Trần Văn N, sinh năm 2003

Trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(vắng mặt)*.

3/ Chị Phan Thị T, sinh năm 1996

Trú tại: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(vắng mặt)*.

4/ Anh Trần Công T, sinh ngày 12/03/2003

Trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(vắng mặt)*.

5/ Anh Nguyễn Văn C, sinh ngày 20/10/2003

Trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(vắng mặt)*.

- *Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Người đại diện hợp pháp của anh Lê Phùng Trung H: Bà Phùng Thị Kim H (mẹ ruột của anh H).

Trú tại: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(vắng mặt)*.

2/ Người đại diện hợp pháp của anh Trần Văn N: Bà Trần Thị S(Là mẹ ruột của anh N).

Trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(vắng mặt)*.

3/ Người đại diện hợp pháp của anh Trần Công T: Ông Trần T và bà Nguyễn Thị Đ (Là cha, mẹ ruột của anh T).

Đều trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(vắng mặt)*.

4/ Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn C: Ông Nguyễn T và bà Trần Thị Đ (Là cha, mẹ ruột của anh C).

Đều trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(vắng mặt)*.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Bà Phan Thị S

Trú tại: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8 - 9 năm 2018, Nguyễn Văn N đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Ngoài ra, vào tháng 06 năm 2018, Nguyễn Văn H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (lần 3), cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 21/8/2018, Nguyễn Văn N cùng với Phạm Văn H đi bộ đến khu dân cư số 8, thôn Tây, An Vĩnh, Lý Sơn thì phát hiện nhà chị Đặng Thị H còn ánh đèn điện sáng, không đóng cổng ngõ và cửa nhà, Hưởng bảo N vào trong nhà để trộm cắp tài sản nhưng N không vào mà đứng ngoài canh gác còn Phạm Văn H đi vào trong nhà, đi tìm khắp nơi và phát hiện 01*(một)* điện thoại di động *(ĐTDĐ)* hiệu Samsung J7 màu vàng đồng để trong cái ca nhựa bên ngoài hiên cạnh nhà bếp nên Hưởng lấy. Sau đó H vào lại phòng ngủ tìm kiếm tài sản thì thấy có 01 túi xách da, bên trong có tiền nên H lấy và tẩu thoát ra ngoài, rồi cùng với N đi bộ đến khu vực gần trường THCS An Vĩnh thuộc thôn Đông, xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn lấy tiền trong túi xách da ra đếm được 2.600.000đ *(Hai triệu sáu trăm ngàn đồng)* rồi vứt túi xách da và chia nhau mỗi người 1.300.000đ *(một triệu ba trăm ngàn đồng)* đã tiêu xài cá nhân hết. Còn chiếc điện thoại di động trộm được, H đem về sử dụng, sau đó hư hỏng nên đã vứt bỏ xuống biển.

Lần 2: Khoảng vào 00 giờ ngày 06/9/2018, Nguyễn Văn N cùng với Nguyễn Văn H đang chơi ở nhà Nguyễn Văn C và C rủ đi trộm cắp tài sản thì N và H đồng ý. Sau đó cả 3 đi bộ đến khu dân cư số 6, thôn Tây, xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn phát hiện nhà bà Phan Thị S không đóng cửa, còn điện sáng. Lúc này, N và H ở ngoài canh gác còn C vào trong nhà tìm kiếm tài sản và lấy của anh Đặng Văn L (là con rễ của bà S) 02 *(hai)* ĐTDĐ, trong đó: 01 *(một)* ĐTDĐ hiệu Samsung J3, màu vàng đồng, số IMEI 1: 359929079860695, số IMEI 2: 359929079860693; 01*(một)* ĐTDĐ hiệu OPPO Neo 9 A37, màu vàng đồng, số IMEI 1: 865262038356457; số IMEI 2:865262038356440 rồi cùng nhau tẩu thoát. Vài ngày sau, N và C đem bán điện thoại OPPO Neo A39 cho chị Phan Thị T là chủ cửa hàng điện thoại Trường Vũ ở thôn Tây, xã An Hải, huyện Lý Sơn với giá 400.000đ *(bốn trăm ngàn đồng)* cả ba chia nhau tiêu xài cá nhân hết; 01 *(một)* ĐTDĐ Samsung J3 thì H đem bán cho anh Trần Văn N ở thôn Đông, xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn giá 1.200.000đ *(một triệu hai trăm ngàn đồng)*, số tiền này Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn H chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Lần 3: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 08/9/2018, Nguyễn Văn N cùng với Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn C đi bộ đến khu dân cư số 8, thôn Tây, xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn thấy nhà anh Lê Chí T cửa cổng mở, cửa trong nhà khép không khóa nên H và C đứng ngoài còn N vào trong nhà lấy được 01 *(một)* ĐTDĐ hiệu OPPO Neo 9 A37, màu vàng đồng, số IMEI 1: 866346031644198, số IMEI 2: 866346031644180 rồi cả ba cùng nhau tẩu thoát. Vài ngày sau, N đem bán điện thoại nói trên cho Lê Phùng Trung H với số tiền 1.000.000đ *(một triệu đồng)* rồi chia nhau tiêu xài hết, cụ thể: Nguyễn Văn N: 350.000đ, còn H và C: 650.000đ.

Lần 4: Khoảng 00 giờ ngày 10/9/2018, Nguyễn Văn N và Phạm Văn H đang đi dạo bộ đến khu dân cư số 10, thôn Tây, xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn thì phát hiện nhà của anh Lê Văn M đóng cổng ngõ nhưng cửa trong nhà mở, có đèn điện sáng và có người ngủ trên võng ở ngoài hiên nhà, kế bên có 01 *(một)* ĐTDĐ, hiệu OPPO

F5, màu vàng đồng, số IMEI 1: 867453032947692, số IMEI 2: 867453032947684, Phạm Văn H nói Nguyễn Văn N vào trộm chiếc điện thoại, còn H đứng ngoài canh gác. N trèo tường vào nhà trộm điện thoại nói trên rồi cùng nhau tẩu thoát; cả hai thống nhất để chiếc điện thoại vừa trộm được cho Nguyễn Văn N sử dụng.

Ngoài ra, vào khoảng 00 giờ ngày 12/6/2018, Nguyễn Văn C rủ Nguyễn Văn H và Trần Công T đi trộm cắp tài sản thì H, Trung đồng ý. Sau đó, cả 3 đi bộ đến khu dân cư số 10, thôn Tây, xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn thấy nhà chị Nguyễn Thị M đang đóng cổng ngõ nhưng cửa nhà mở, C, T vào trong nhà tìm kiếm tài sản, còn H ở ngoài. Khi vào trong nhà C phát hiện người phụ nữ đang ngủ bên cạnh có 01 *(một)* cái áo khoác trong túi có tiền nên C lấy trộm và cả 3 cùng tẩu thoát. Sau đó đến khu vực gần cổng Tò Vò thuộc thôn Tây, xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn lấy tiền ra đếm, tổng cộng được 15.000.000đ *(mười lăm triệu đồng)* cả 3 cùng chia đều mỗi người: 5.000.000đ đã tiêu xài cá nhân hết, còn vứt bỏ áo khoác.

Bị hại đã có đơn gửi đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện lý sơn báo mất tài sản (BL: 46-49).

Ngày 17/12/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện Lý Sơn, đã tiến hành định giá và kết luận *(BL:56-60):*

- 01*(một)* ĐTDĐ hiệu Samsung J7 Prime, màu vàng đồng *(đã qua sử dụng),* trị giá: 3.070.000đ *(ba triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng)*;

- 01 *(một)* ĐTDĐ, hiệu OPPO F5, màu vàng đồng, số IMEI 1: 867453032947692, số IMEI 2: 867453032947684 *(đã qua sử dụng),* trị giá: 3.700.000đ *(ba triệu bảy trăm ngàn đồng)*;

- 01*(một)* ĐTDĐ hiệu Samsung J3, màu vàng đồng, số IMEI 1: 359929079860695, số IMEI 2: 359929079860693*(đã qua sử dụng),* trị giá: 1.950.000đ *(một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng)*

- 01 *(một)* ĐTDĐ hiệu OPPO Neo 9 A37, màu vàng đồng, số IMEI 1: 865262038356457; số IMEI 2:865262038356440 *(đã qua sử dụng),* trị giá: 2.000.000đ *(hai triệu đồng);*

- 01 *(một)* ĐTDĐ hiệu OPPO Neo 9 A37, màu vàng đồng, số IMEI 1: 866346031644198, số IMEI 2: 866346031644180 *(đã qua sử dụng),* trị giá: 1.500.000đ *(một triệu năm trăm ngàn đồng).*

Vật chứng thu giữ được trong vụ án:

- 01 (một) ĐTDĐ hiệu OPPO F5, màu vàng đồng, số IMEI 1: 867453032947692, số IMEI 2: 867453032947684, bị cáo Nguyễn Văn N giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Sơn đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh Lê Văn M;

- 01 (một) ĐTDĐ hiệu Samsung J3, màu vàng đồng, số IMEI 1: 359929079860695, số IMEI 2: 359929079860693; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Neo 9 A37, màu vàng đồng, số IMEI 1: 865262038356457; số IMEI 2:865262038356440, Trần Văn Ngon và Phan Thị T giao nộp, Cơ quan Cảnh sát

điều tra Công an huyện Lý Sơn đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh Đặng Văn L;

- 01 (một) ĐTDĐ hiệu OPPO Neo 9 A37, màu vàng đồng, số IMEI 1: 866346031644198, số IMEI 2: 866346031644180, Lê Phùng Trung H giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Sơn đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh Lê Chí T;

- Đối với 01 (một) túi xách da màu đen và 01 áo khoác do các bị cáo vứt bỏ tại hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Sơn đã truy tìm nhưng không tìm thấy (BL: 76-77). Đồng thời, bị hại Đặng Thị H và Nguyễn Thị M đã sử dụng những tài sản trên trong thời gian dài nên không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Sơn không tiến hành trưng cầu định giá tài sản.

** Về dân sự*

Đối với những người bị hại Đặng Thị H, Đặng Văn L và Lê Văn M và Lê Chí T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, *(BL:247; 251-252; 256-257, 261-262).*

Riêng chị Nguyễn Thị M đã nhận lại số tiền: 8.300.000đ *(tám triệu ba trăm ngàn đồng)*, trong đó: gia đình Nguyễn Văn C đã bồi thường, khắc phục đủ 5.000.000đ *(năm triệu đồng);* gia đình Trần Công T bồi thường, khắc phục: 2.000.000đ *(hai triệu đồng);* Nguyễn Văn H bồi thường, khắc phục: 1.300.000đ *(một triệu ba trăm ngàn đồng)*. Đến ngày 21/5/2019 chị Nguyễn Thị M nhận thêm 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* tiền bồi thường từ bà Nguyễn Thị Đ (mẹ ruột của Trần Công T); ngày 03/6/2019 chị Nguyễn Thị M nhận thêm 700.000đ *(bảy trăm ngàn đồng)* từ bị cáo H. Do đó, chị Nguyễn Thị M yêu cầu Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường: 3.000.000đ *(ba triệu đồng)(BL: 266-267).*

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Phùng Trung H đã nhận lại số tiền: 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* và không yêu cầu gì. Anh Trần Văn Ng đã nhận lại số tiền: 600.000đ *(sáu trăm ngàn đồng)* do Nguyễn Văn N bồi thường và yêu cầu Nguyễn Văn H phải bồi thường 600.000đ *(sáu trăm ngàn đồng)*.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 10/04/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51và điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 101, Điều 17, Điều 58, Điều 91 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 6 tháng đến 9 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65, Điều 17, Điều 58, Điều 91 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Phạm Văn H từ 6 tháng đến 9 tháng tù cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Không

Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị M số tiền: 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* và anh Trần Văn N số tiền: 600.000đ *(Sáu trăm ngàn đồng)*.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn H:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65, Điều 90, 91 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn H 6 tháng tù cho hưởng án treo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65, Điều 90, 91 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 6 tháng tù cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Qua thẩm tra hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng trong vụ án. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng là hợp pháp theo quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H là công dân có sức khỏe tốt, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mong muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo

Nguyễn Văn N cùng với bị cáo Phạm Văn H, bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn C lợi dụng lúc đêm khuya, sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, đã nhiều lần trộm cắp tài sản, cụ thể là: lần 1: Nguyễn Văn N cùng với Phạm Văn H trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu vàng đồng của chị Đặng Thị H trị giá 3.070.000đ; lần 2: Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn C cùng đi trộm 02 *(hai)* ĐTDĐ, trong đó: 01 *(một)* ĐTDĐ hiệu Samsung J3, màu vàng đồng và 01*(một)* ĐTDĐ hiệu OPPO Neo 9 A37, màu vàng đồng của anh Đặng Văn L trị giá cả 02 điện thoại 3.950.000đ; lần 3: Nguyễn Văn N cùng với Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn C đi trộm 01 *(một)* ĐTDĐ hiệu OPPO Neo 9 A37, màu vàng đồng của anh Lê Chí T trị giá 1.500.000đ; lần 4: Nguyễn Văn N cùng với Phạm Văn H đi trộm 01 *(một)* ĐTDĐ, hiệu OPPO F5, màu vàng đồng của anh Lê Văn M trị giá 3.700.000đ. Ngoài ra, Nguyễn Văn H cùng Nguyễn Văn C và Trần Công T đi trộm cắp 15.000.000đ của chị Nguyễn Thị M. Trong các lần trộm cắp trên, bị cáo N tham gia trộm 04 lần với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 14.820.000đ, bị cáo Hưởng tham gia trộm 02 lần tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 9.370.000đ, bị cáo Hiền tham gia trộm cắp 03 lần tổng trị giá tài sản chiếm đoạt 20.450.000đ. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn truy tố: Bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất đồng phạm của các bị cáo trong vụ án này, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là vụ án trộm cắp tài sản có nhiều bị cáo tham gia, tuy trộm nhiều lần nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò trước, khi có cơ hội là thống nhất hành động nên là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo N đã 04 lần cùng đồng phạm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thì 02 lần bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp và 02 lần là người giúp sức, ngoài ra, bị cáo cũng hưởng lợi nhiều hơn các bị cáo khác. Do đó, bị cáo là người giữ vai trò chính. Bị cáo Phạm Văn H vừa là người trực triếp thực hiện tội phạm vừa là người giúp sức trong 02 lần phạm tội nên chịu trách nhiệm hình sự với hành vi của mình . Còn Nguyễn Văn H tuy không phải là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp trong 02 lần cùng với bị cáo N, nhưng bị cáo Hiền tham gia rất tích cực từ đầu đến cuối với vai trò là người giúp sức (canh gác ở ngoài) nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của bị cáo. Riêng lần trộm cắp tài sản xảy ra ngày 12/6/2018 tại nhà bà Nguyễn Thị M bị cáo Nguyễn Văn H cùng với Nguyễn Văn

C, Trần Công T thực hiện hành vi chiếm đoạt 15.000.000đ của chị M, nên Bị cáo H phải chịu trách nhiệm độc lập về lần trộm cắp này.

[4] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo và tình thiết tăng năng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương và gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, cụ thể:

[4.1] Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N: Trong thời gian ngắn bị cáo đã cùng với bị cáo H, bị cáo H và Nguyên Văn C thực hiện 04 lần trộm cắp trên địa bàn huyện Lý sơn, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo biết trước được việc đi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, thể hiện sự coi thường pháp luật, do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răng đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường xong cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[4.2] Đối với hành vi của bị cáo Phạm Văn H: Vào ngày 04/07/2017 bị cáo đã bị Công an huyện Lý Sơn xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Lẽ ra, bị cáo phải lấy đó làm bài học cho mình, rèn luyện, tu dưỡng bản thân để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội nhưng ngược lại, để thỏa mãn sự ăn chơi, đua đòi với bạn bè, bị cáo H lại tiếp tục cùng với Nguyễn Văn N thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, lúc thực hiện hành vi phạm tội bị cáo mới 16 tuổi 10 tháng hơn và tại thời điểm xét xử bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi theo quy định pháp luật, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường xong cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ngoài ra, bị cáo có cha ông Phạm K được Nhà nước tặng Huy chương chiến sĩ vẽ vang ngày 23/8/1989 và Huân chương chiến công hạng ba ngày 13/3/1989. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo khi lượng hình. Xét điều kiện bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; về nhân thân tính từ lúc bị xử phạt vi phạm hành chính (04/7/2017) đến thời điểm phạm tội gần nhất (20/8/2018) đã quá 01 năm được xem là không có tiền sự; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau khi trừ tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, bị cáo Phạm Văn H đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng

thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

[4.3] Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H: Chỉ trong thời gian ngắn bị cáo đã liên tục phạm tội nhiều lần (03 lần), là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; biết trước được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cứ thực hiện hết lần này đến lần khác, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răng đe, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, lúc phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi (17 tuổi, 26 ngày) nên áp dụng ¾ hình phạt cho bị cáo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường một phần cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Văn C, Trần Công T, tại thời điểm phạm tội chưa đủ 16 tuổi và thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng. Do đó, Nguyễn Văn C và Trần Công T không đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự. Vì vậy, hành vi của Nguyễn Văn C và Trần Công T không đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Sơn đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn C và Trần Công T về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức Cảnh cáo là đúng quy định pháp luật.

[6] Đối với hành vi của Trần Văn N, Phan Thị T và Lê Phùng Trung H khi mua điện thoại của Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn C thì anh N, chị T và anh H không biết những điện thoại này là do trộm cắp tài sản mà có nên không có cơ sở để xử lý đối với anh Ngon, chị T và anh H về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Đối với bị hại Đặng Thị H, Đặng Văn L, Lê Văn M và Lê Chí T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên không xét.

[7.2] Bị hại chị Nguyễn Thị M bị thiệt hại 15.000.000đ, bị cáo H, anh Nguyễn Văn C, anh Trần Công T, mỗi bị cáo phải chịu 1/3 mức bồi thường thiệt hại trên, nhưng chị M đã nhận lại 12.000.000đ (trong đó: gia đình Nguyễn Văn C đã bồi thường đủ 5.000.000đ *(năm triệu đồng);* gia đình Trần Công T bồi thường đủ: 5.000.000đ *(năm triệu đồng);* Nguyễn Văn H bồi thường: 2.000.000đ *(hai triệu đồng)*. Do đó, chị Nguyễn Thị M tiếp tục yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường: 3.000.000đ *(ba triệu đồng)* là có cơ sở nên chấp nhận.

[7.3] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Phùng Trung H đã nhận lại số tiền: 1.000.000đ và không yêu cầu gì nên không xét.

[7.4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn N bị thiệt hại 1.200.000đ, bị cáo H và bị cáo N có trách nhiệm bồi thường mỗi bị cáo ½ giá trị thiệt hại, nhưng anh N đã nhận lại số tiền: 600.000đ *(sáu trăm ngàn đồng)* do

bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường và tiếp tục yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường 600.000đ *(sáu trăm ngàn đồng)* là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] *Về xử lý vật chứng*:

[8.1] 04 điện thoại di động gồm: 01 (một) ĐTDĐ hiệu OPPO F5, màu vàng đồng, số IMEI 1: 867453032947692, số IMEI 2: 867453032947684, bị cáo Nguyễn Văn N giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Sơn đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh Lê Văn M; 01 (một) ĐTDĐ hiệu Samsung J3, màu vàng đồng, số IMEI 1: 359929079860695, số IMEI 2: 359929079860693; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Neo 9 A37, màu vàng đồng, số IMEI 1: 865262038356457; số IMEI 2:865262038356440, Trần Văn Ngon và Phan Thị T giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Sơn đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh Đặng Văn L và 01 (một) ĐTDĐ hiệu OPPO Neo 9 A37, màu vàng đồng, số IMEI 1: 866346031644198, số IMEI 2: 866346031644180, Lê Phùng Trung H giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Sơn đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh Lê Chí T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8.2] Đối với 01 (một) túi xách da màu đen và 01 áo khoác do các bị can vứt bỏ tại hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Sơn đã truy tìm nhưng không thấy. Đồng thời, bị hại Đặng Thị H và Nguyễn Thị M đã sử dụng những tài sản trên trong thời gian dài nên không còn giá trị sử dụng và không yêu cầu bồi thường nên không xét.

[9] Hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H tuy có nghề nghiệp nhưng không ổn định, chưa có tài sản riêng, sống phụ thuộc vào gia đình, riêng bị cáo H và H lúc phạm tội chưa thành niên. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Phạm Văn H phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*",

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51và điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 12 *(Mười hai)* tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày ngày 31/01/2019.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51và điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58; Điều 91và Điều 101 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 *(Bảy)* tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51và điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65, Điều 17, Điều 58 và Điều 91 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 09 *(Chín)* tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 *(Mười tám)* tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 04/6/2019).

Giao bị cáo Phạm Văn H cho Ủy ban nhân dân xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị M 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* và anh Trần Văn N 600.000đ *(Sáu trăm ngàn đồng)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Không có.

***Về án phí*:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Phạm Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND T. Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp T. Quảng Ngãi;
- VKSND H. Lý Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an H. Lý Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an H. Lý Sơn;
- Chi cục THADS H. Lý Sơn;
- UBND xã An Vĩnh;
- Bị cáo; bị hại; NĐDHP; Luật sự;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thu